

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2021/DS-PT

Ngày 05/01/2020

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất; Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân
Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Lê Thị Thanh Huyền
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà

Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên

Mở phiên tòa ngày 05/01/2021, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2020/TLPT-DS ngày 04/11/2020 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”; Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk, bị kháng cáo, kháng nghị; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2020/QĐXXPT-DS ngày 02/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2020/QĐ-PT ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc w

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn E, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Tô Tiến R - Có mặt (theo văn bản uỷ quyền ngày 07/7/2017)

Địa chỉ: Số 55 đường MHD, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn:

1. Ông Lê Văn Y và bà Lê Thị U - Có mặt; Ông Lê Văn Y uỷ quyền cho bà Lê Thị U tham gia tố tụng (theo văn bản uỷ quyền ngày 27/3/2018; Ông Y đã chết ngày 11/11/2019)

Địa chỉ: Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Minh I và bà Trần Thị O - có mặt

Địa chỉ: Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Quỹ tín dụng nhân dân P

Địa chỉ: Km6, khu dân cư A, phường P, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn S - Chủ tịch - Có mặt

2. Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá D

Địa chỉ: Số 52 đường VTD, phường TA, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Ngọc F - Vắng mặt

Địa chỉ: Số 59 đường TDT, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Hồng G và bà Trần Thị Cẩm H - Vắng mặt

Địa chỉ: Khối 1, phường P, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2017 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc w trình bày: Ngày 11/01/2012, ông mua trúng tài sản bán đấu giá là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, diện tích 8.890m² tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, với giá bán 388.900.000đ, do Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá D (sau đây gọi tắt là Công ty D) bán đấu giá; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị Cẩm H, ông Nguyễn Hồng G vào ngày 18/01/2016; Ông đã thanh toán đủ tiền mua tài sản đấu giá và đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q vào ngày 10/11/2016; Tuy nhiên, do vợ chồng ông Lê Văn Y, bà Lê Thị U chiếm giữ 4.200m² đất, thuộc thửa đất số 89; Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 89, do vợ chồng ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị O chiếm giữ, nên Công ty D và Quỹ tín dụng nhân dân P, không thể chuyển giao cho ông thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với thửa đất số 89. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Lê Văn Y, bà Lê Thị U và vợ chồng ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị O, phải trả lại cho ông quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với đất.

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/8/2018 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn Y và bà Lê Thị U trình bày: Ngày 20/02/2008, vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Hồng G, bà Trần Thị Cẩm H 4.200m² đất, thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 54.000.000đ; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND xã EM chứng thực; Vợ chồng ông, bà đã thanh toán cho ông G, bà H 45.000.000đ; Số tiền còn lại 9.000.000đ, khi nào ông G, bà H làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà đối với diện tích đất nêu trên, thì vợ chồng ông, bà thanh toán đủ tiền. Diện tích 4.200m² đất nêu trên có tứ cận: hướng Đông giáp đất ông Lê Văn Y; hướng Tây giáp đường liên xã; hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Hồng G; hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn Y.

Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên, vợ chồng ông, bà trồng cây Cà Phê trên đất và sử dụng ổn định nhưng vợ chồng ông G, bà H chưa làm thủ tục tách thửa cho vợ chồng ông, bà diện tích đất nêu trên; Năm 2009, ông G và bà H thế chấp cho vợ chồng ông, bà. Do ông G và bà H không trả nợ tiền vay, nên Quỹ tín dụng nhân dân P đã uỷ quyền cho Công ty D bán đấu giá thửa đất số 89 cho ông Nguyễn Ngọc w, trong đó có 4.200m² đất của vợ chồng ông, bà. Vì vậy, ông và bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng G, bà Trần

Thị Cẩm H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng là thực hiện thủ tục tách thửa và chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà 4.200m² đất, thuộc thửa đất số 89; Huỷ kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty D, Quỹ tín dụng nhân dân P và ông Nguyễn Ngọc w, đối với thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với đất.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Minh I và bà Trần Thị O trình bày: Diện tích 4.903m² đất thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng G và bà Trần Thị Cẩm H vào ngày 18/01/2006, thực tế thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, diện tích 23.112,1m² tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà khai hoang từ năm 1995 và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp; Theo biên bản xác minh về nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q và UBND xã EM vào ngày 10/4/2017, thì diện tích 4.903m² đất nêu trên, thuộc thửa số 20 của vợ chồng ông, bà; Việc UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông G, bà H đối với thửa đất số 89, đã chồng lấn sang thửa đất số 20 của vợ chồng ông bà, không đúng với hiện trạng sử dụng đất. Vì vậy, ông và bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc w.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng nhân dân P trình bày: Ngày 13/5/2009, ông Nguyễn Hồng G và bà Trần Thị Cẩm H, ký hợp đồng thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân P, quyền sử dụng đất thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, diện tích 8.890m² tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, để đảm bảo nghĩa vụ ông G, bà H trả nợ Quỹ tín dụng khoản tiền đã vay 200.000.000đ vào ngày 14/5/2009. Do không trả được khoản tiền đã vay khi đến hạn, ngày 01/11/2011, ông G và bà H thoả thuận chuyển giao thửa đất số 89 cùng với tài sản gắn liền với đất, cho Quỹ tín dụng bán đấu giá để thu hồi nợ gốc và lãi; Quỹ tín dụng nhân dân P đã ký hợp đồng uỷ quyền cho Công ty D bán đấu giá tài sản thế chấp; Ngày 11/01/2012, ông Nguyễn Ngọc w mua trúng tài sản bán đấu giá là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 89, với giá bán là 388.900.000đ; Ông W đã thanh toán đủ tiền mua tài sản đấu giá; Do vợ chồng ông Lê Văn Y, bà Lê Thị U và vợ chồng ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị O, chiếm giữ thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với đất, nên Quỹ tín dụng nhân dân P và Công ty D, không thể chuyển giao thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với đất cho Ông W; Việc Ông W khởi kiện, Quỹ tín dụng nhân dân P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty D trình bày: Ngày 16/12/2011, Quỹ tín dụng nhân dân P ký hợp đồng uỷ quyền cho Công ty D, bán đấu giá tài sản thế chấp, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, của hộ ông Nguyễn Hồng G, bà Trần Thị Cẩm H; Ngày 11/01/2012, Công

ty tổ chức bán đấu giá tài sản nêu trên, ông Nguyễn Ngọc w là người mua trúng tài sản bán đấu giá, với giá bán là 388.900.000đ; Ông W đã thanh toán đủ tiền mua tài sản đấu giá; Do vợ chồng ông Lê Văn Y, bà Lê Thị U và vợ chồng ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị O, chiếm giữ thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với đất, nên Quỹ tín dụng nhân dân P và Công ty D, không thể chuyển giao thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với đất cho Ông W; Việc Ông W khởi kiện, Công ty đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hồng G và bà Trần Thị Cẩm H trình bày: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, diện tích 8.890m² tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Hồng J, bà Đỗ Thị K vào năm 2000; Vợ chồng ông, bà kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 550863 ngày 18/01/2006; Ngày 20/02/2008, vợ chồng ông, bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn Y, bà Lê Thị U 4.200m² đất, thuộc thửa đất số 89, với giá chuyển nhượng 54.000.000đ; Ông Y và bà U đã thanh toán cho vợ chồng ông bà 45.000.000đ; Vợ chồng ông, bà đã chuyển giao cho Ông Y, bà U 4.200m² đất; Diện tích đất còn lại của thửa đất số 89, vợ chồng ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị O tranh chấp và chiếm giữ, sử dụng; Ngày 13/5/2009, vợ chồng ông, bà, ký hợp đồng thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân P, quyền sử dụng đất thửa đất số 89 để vay 200.000.000đ. Do không trả được khoản tiền đã vay, ngày 01/11/2011, ông và bà thỏa thuận chuyển giao thửa đất số 89 cùng với tài sản gắn liền với đất, cho Quỹ tín dụng nhân dân P, bán đấu giá để trả tiền nợ gốc và lãi; Việc ông Nguyễn Ngọc w là người mua trúng tài sản đấu giá, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 89 khởi kiện, ông và bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của TAND huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng: Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 122, Điều 124, Điều 134, Điều 688, Điều 689, Điều 697, Điều 698, Điều 699, Điều 700, Điều 701, Điều 702 BLDS năm 2005; khoản 6 Điều 49, Điều 123, Điều 127 Luật đất đai năm 2003.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc w.

Buộc ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị O và bà Lê Thị U, phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc w toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 550863 ngày 18/01/2006.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Y và bà Lê Thị U về việc: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng G, bà Trần Thị Cẩm H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng là thực hiện thủ tục tách thửa và chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà 4.200m² đất, thuộc thửa đất số 89 và huỷ kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công

ty D, Quỹ tín dụng nhân dân P và ông Nguyễn Ngọc w, đối với thửa đất số 89 và tài sản gắn liền với đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 22/9/2020, bị đơn là bà Lê Thị U có đơn kháng cáo với lý do: Ngày 20/02/2008, vợ chồng ông Nguyễn Hồng G, bà Trần Thị Cẩm H chuyển nhượng cho vợ chồng bà 4.200m² đất, thuộc thửa đất số 89. Tòa án cấp sơ thẩm buộc gia đình bà phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc w diện tích đất nêu trên và tài sản gắn liền với đất, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà; Vợ chồng bà khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Hồng G, bà Trần Thị Cẩm H; Vợ chồng bà phải là nguyên đơn; Ông G, bà H phải là bị đơn; Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông G, bà H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Ngày 25/9/2020, bị đơn là ông Nguyễn Minh I và Trần Thị O có đơn kháng cáo với lý do: Diện tích 4.903m² đất thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, tại Buôn Dh, xã EM, huyện Q, tỉnh Đắk Lắk, thực tế nằm trong thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông, bà; Có nguồn gốc, do vợ chồng ông, bà khai hoang từ năm 1995 và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông, bà phải trả lại diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Ngọc w là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 550863, do UBND huyện Q cấp cho hộ Trần Thị Cẩm H, ông Nguyễn Hồng G vào ngày 18/01/2006 .

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 941/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/10/2020, của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, đã kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là chưa đầy đủ, mà còn có yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, huỷ kết quả bán đấu giá tài sản; Ông Lê Văn Y là bị đơn trong vụ án; Quá trình tham gia giải quyết vụ án, Ông Y chết vào ngày 11/11/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Y, tham gia tố tụng là vi phạm Điều 74 BLTTDS; Bản án sơ thẩm tuyên xử buộc ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị O và bà Lê Thị U, phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc w toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 89 là tuyên án không rõ ràng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ

vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét quyết định nhập vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ngày 03/7/2017, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự số:152/2017/TLST-DS về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc W; Các bị đơn: Ông Lê Văn Y và bà Lê Thị U, ông Nguyễn Minh I và bà Trần Thị O; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân P, Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá D, ông Nguyễn Hồng G và bà Trần Thị Cẩm H.

Ngày 27/8/2018, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự số:233/2018/TLST-DS về việc “ Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Lê Văn Y và bà Lê Thị U; Bị đơn là ông Nguyễn Hồng G và bà Trần Thị Cẩm H.

Ngày 03/7/2020, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định số: 01/2020/QĐ-NVA nhập hai vụ án dân sự nêu trên, để giải quyết trong cùng một vụ.

Điều kiện để nhập vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 42 BLTTDS: Có nhiều người có cùng yêu cầu khởi kiện đối với cùng một cá nhân hoặc cùng một cơ quan, tổ chức.

Hai vụ án nêu trên, các nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện các bị đơn khác nhau, nên không đủ điều kiện nhập vụ án, để giải quyết trong cùng một vụ án; Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhập vụ án là có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn là ông Lê Văn Y và bà Lê Thị U.

Về tranh chấp quyền sử dụng đất: Quỹ tín dụng nhân dân P là người có tài sản bán đấu giá; Công ty D là tổ chức bán đấu giá tài sản; Ông Nguyễn Ngọc w là người mua trúng tài sản bán đấu giá; Ông W đã thanh toán đủ tiền mua tài sản nhưng Quỹ tín dụng nhân dân P và Công ty D, chưa chuyển giao tài sản đã bán là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 89 cho Ông W, là vi phạm nội dung hợp đồng bán đấu giá tài sản; Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét hợp đồng này là thiếu sót.

Về tư cách người tham gia tố tụng: Ông Lê Văn Y là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Ông Y là bị đơn trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất; Ông Y chết vào ngày 11/11/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Y và đưa họ vào tham gia tố tụng, là có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, vi phạm khoản 1 Điều 74 BLTTDS.

Do Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị U và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm, nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 BLTTDS: Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị U và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk.

1. Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. **Về án phí phúc thẩm:** Ông Nguyễn Minh I, bà Trần Thị Hiền, bà Lê Thị U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Ông I và bà O được nhận lại 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0016259 ngày 30/9/2020; Bà Lê Thị U được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0010295 ngày 23/9/2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huôn